

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về kết quả giáo dục thực tế tiểu học
năm học 2024-2025**

1. Chất lượng giáo dục

	Sĩ số	Tổng số HS có KQĐG	Lớp 1						Lớp 2						Lớp 3						Lớp 4						Lớp 5							
			Tổng số HS có KQĐG	Trong tổng số					Tổn g số HS có KQ	Trong tổng số					Tổn g số HS có KQ	Trong tổng số					Tổn g số HS có KQ	Trong tổng số												
				Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khu yết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khu yết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khu yết tật		Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khu yết tật	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	Lớp ghép	Khu yết tật			
I. Kết quả học tập																																		
1. Tiếng Việt	297	297	57	25	2			1	46	17					1	67	35					2	59	32	1	1			68	34				2
Hoàn thành tốt		206	39	22	2				38	14						46	31						40	27	1	1			43	27				
Hoàn thành		91	18	3				1	8	3					1	21	4					2	19	5					25	7				2
Chưa hoàn thành																																		
2. Toán	297	297	57	25	2			1	46	17				1	67	35					2	59	32	1	1			68	34				2	
Hoàn thành tốt		206	39	22	2				39	14						45	30						40	27	1	1			43	27				
Hoàn thành		91	18	3				1	7	3				1	22	5					2	19	5					25	7				2	
Chưa hoàn thành																																		
3. Đạo đức	297	297	57	25	2			1	46	17				1	67	35					2	59	32	1	1			68	34				2	
Hoàn thành tốt		204	40	22	2				35	13					47	30						39	26	1	1			43	27					
Hoàn thành		93	17	3				1	11	4				1	20	5					2	20	6					25	7				2	
Chưa hoàn thành																																		
4. Tự nhiên và Xã hội	170	170	57	25	2			1	46	17				1	67	35					2													
Hoàn thành tốt		119	39	22	2				34	13					46	30																		
Hoàn thành		51	18	3				1	12	4				1	21	5					2													
Chưa hoàn thành																																		
5. Khoa học	127	127																				59	32	1	1			68	34				2	
Hoàn thành tốt		90																				42	29	1	1			48	30					
Hoàn thành		37																				17	3					20	4				2	
Chưa hoàn thành																																		
6. LS&ĐL	127	127																				59	32	1	1			68	34				2	
Hoàn thành tốt		84																				41	28	1	1			43	27					
Hoàn thành		43																				18	4					25	7				2	
Chưa hoàn thành																																		
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	297	297	57	25	2			1	46	17				1	67	35					2	59	32	1	1			68	34				2	
Hoàn thành tốt		203	39	22	2				34	13					46	30						41	27	1	1			43	27					
Hoàn thành		94	18	3				1	12	4				1	21	5					2	18	5					25	7				2	
Chưa hoàn thành																																		
8. Nghệ thuật (Mĩ thuật)	297	297	57	25	2			1	46	17				1	67	35					2	59	32	1	1			68	34				2	
Hoàn thành tốt		206	40	22	2				35	13					47	30						41	27	1	1			43	27					
Hoàn thành		91	17	3				1	11	4				1	20	5					2	18	5					25	7				2	
Chưa hoàn thành																																		
9. Hoạt động trải nghiệm	297	297	57	25	2			1	46	17				1	67	35					2	59	32	1	1			68	34				2	
Hoàn thành tốt		205	39	22	2				35	13					47	30						41	27	1	1			43	27					
Hoàn thành		92	18	3				1	11	4				1	20	5					2	18	5					25	7				2	
Chưa hoàn thành																																		
10. Giáo dục thể chất	297	297	57	25	2			1	46	17				1	67	35					2	59	32	1	1			68	34				2	
Hoàn thành tốt		212	39	22	2				34	13					46	30						41	27	1	1			52	31					
Hoàn thành		85	18	3				1	12	4				1	21	5					2	18	5					16	3				2	
Chưa hoàn thành																																		

11. TH-CN (Công nghệ)	194	194														67	35					2	59	32	1	1				68	34					2
Hoàn thành tốt		161														49	31						50	32	1	1				62	33					2
Hoàn thành		33														18	4					2	9						6	1						
Chưa hoàn thành																																				
12. TH-CN (Tin học)	297	194														67	35					2	59	32	1	1				68	34					2
Hoàn thành tốt		130														46	30						40	27	1	1				44	27					
Hoàn thành		64														21	5					2	19	5					24	7					2	
Chưa hoàn thành																																				
13. Ngoại ngữ	297	297	57	25	2			1	46	17					1	67	35					2	59	32	1	1				68	34					2
Hoàn thành tốt		206	39	22	2				34	13						46	30						42	28	1	1				45	28					
Hoàn thành		91	18	3				1	12	4					1	21	5					2	17	4					23	6					2	
Chưa hoàn thành																																				
14. Tiếng dân tộc	297																																			
Hoàn thành tốt																																				
Hoàn thành																																				
Chưa hoàn thành																																				
II. Năng lực cốt lõi																																				
Năng lực chung																																				
Tự chủ và tự học	297	297	57	25	2			1	46	17					1	67	35					2	59	32	1	1				68	34					2
Tốt		210	39	22	2				40	15					1	47	30						40	27	1	1				44	28					
Đạt		87	18	3				1	6	2						20	5					2	19	5					24	6					2	
Cần cố gắng																																				
Giao tiếp và hợp tác	297	297	57	25	2			1	46	17					1	67	35					2	59	32	1	1				68	34					2
Tốt		212	42	22	2				40	16						45	30						40	27	1	1				45	28					
Đạt		85	15	3				1	6	1					1	22	5					2	19	5					23	6					2	
Cần cố gắng																																				
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	297	297	57	25	2			1	46	17					1	67	35					2	59	32	1	1				68	34					2
Tốt		210	41	22	2				38	15						47	31						40	27	1	1				44	28					
Đạt		87	16	3				1	8	2					1	20	4					2	19	5					24	6					2	
Cần cố gắng																																				
Năng lực đặc thù																																				
Ngôn ngữ	297	297	57	25	2			1	46	17					1	67	35					2	59	32	1	1				68	34					2
Tốt		209	39	22	2				38	14					1	48	32						40	27	1	1				44	28					
Đạt		88	18	3				1	8	3						19	3					2	19	5					24	6					2	
Cần cố gắng																																				
Tính toán	297	297	57	25	2			1	46	17					1	67	35					2	59	32	1	1				68	34					2
Tốt		213	42	22	2				38	14						48	31						40	27	1	1				45	28					
Đạt		84	15	3				1	8	3					1	19	4					2	19	5					23	6					2	
Cần cố gắng																																				
Tin học	194	194														67	35					2	59	32	1	1				68	34					2
Tốt		133														49	32						40	27	1	1				44	28					
Đạt		61														18	3					2	19	5					24	6					2	
Cần cố gắng																																				
Công nghệ	194	194														67	35					2	59	32	1	1				68	34					2
Tốt		135														50	32						40	27	1	1				45	28					
Đạt		59														17	3					2	19	5					23	6					2	
Cần cố gắng																																				
Khoa học	297	297	57	25	2			1	46	17					1	67	35					2	59	32	1	1				68	34					2
Tốt		214	44	23	2				39	15						47	31						40	27	1	1				44	28					
Đạt		83	13	2				1	7	2					1	20	4					2	19	5					24	6					2	
Cần cố gắng																																				
Thẩm mĩ	297	297	57	25	2			1	46	17					1	67	35					2	59	32	1	1				68	34					2
Tốt		214	46	23	2				37	15						47	30						40	27	1	1				44	28					

Đạt		83	11	2				1	9	2				1	20	5				2	19	5					24	6				2
Cần cố gắng																																
Thể chất	297	297	57	25	2			1	46	17				1	67	35				2	59	32	1	1			68	34				2
Tốt		214	41	22	2				40	16				1	47	30					41	27	1	1			45	28				
Đạt		83	16	3				1	6	1					20	5				2	18	5					23	6				2
Cần cố gắng																																
III. Phẩm chất chủ yếu																																
Yêu nước	297	297	57	25	2			1	46	17				1	67	35				2	59	32	1	1			68	34				2
Tốt		223	42	22	2				38	15					53	31				1	46	29	1	1			44	28				
Đạt		74	15	3				1	8	2				1	14	4				1	13	3					24	6				2
Cần cố gắng																																
Nhân ái	297	297	57	25	2			1	46	17				1	67	35				2	59	32	1	1			68	34				2
Tốt		222	42	22	2				38	14					50	33					47	29	1	1			45	28				
Đạt		75	15	3				1	8	3				1	17	2				2	12	3					23	6				2
Cần cố gắng																																
Chăm chỉ	297	297	57	25	2			1	46	17				1	67	35				2	59	32	1	1			68	34				2
Tốt		222	44	22	2				38	15					52	32					43	27	1	1			45	28				
Đạt		75	13	3				1	8	2				1	15	3				2	16	5					23	6				2
Cần cố gắng																																
Trung thực	297	297	57	25	2			1	46	17				1	67	35				2	59	32	1	1			68	34				2
Tốt		222	44	23	2				39	15				1	52	33				1	42	27	1	1			45	28				
Đạt		75	13	2				1	7	2					15	2				1	17	5					23	6				2
Cần cố gắng																																
Trách nhiệm	297	297	57	25	2			1	46	17				1	67	35				2	59	32	1	1			68	34				2
Tốt		229	44	23	2				43	17				1	55	33				1	42	27	1	1			45	28				
Đạt		68	13	2				1	3						12	2				1	17	5					23	6				2
Cần cố gắng																																
IV. Đánh giá KQGD	297	297	57	25	2			1	46	17				1	67	35				2	59	32	1	1			68	34				2
- Hoàn thành xuất		83	18	11					16	8					17	12					17	14	1	1			15	10				
- Hoàn thành tốt		118	21	11	2				18	5					28	18					23	13					28	17				
- Hoàn thành		96	18	3				1	12	4				1	22	5				2	19	5					25	7				2
- Chưa hoàn thành																																
V. Khen thưởng		201	39	22	2				34	13					45	30					40	27	1	1			43	27				
- Giấy khen cấp trường		201	39	22	2				34	13					45	30					40	27	1	1			43	27				
- Giấy khen cấp trên																																
VI. HSDT được trợ giảng																																
VII. HS.K.Tật		6	1					1	1					1	2					2							2					2
VIII. HS bỏ học kỳ II																																
+ Hoàn cảnh GĐKK																																
+ KK trong học tập																																
+ Xa trường, đi lại K.khẩn																																
+ Thiên tai, dịch bệnh																																
+ Nguyên nhân khác																																
IX. Chương trình lớp học	297	297	57	25	2			1	46	17				1	67	35				2	59	32	1	1			68	34				2
Hoàn thành	297	297	57	25	2			1	46	17				1	67	35				2	59	32	1	1			68	34				2
Chưa hoàn thành																																

Việt Dân, ngày 28 tháng 5 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thị Nguyệt

